

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NÃI

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND phường Đức

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025	
			Kế hoạch giao	Thực hiện
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ			
1	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn	6.765	6.227,8
2	Giá trị hàng hoá của địa phương tham gia xuất khẩu	Tr. USD	1,55	1,66
3	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ	tỷ đồng	2.102	2.215
4	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Triệu đồng	915	1.545
5	Tổng lượt khách du lịch	Lượt người	167.400	167.400
II	CHỈ TIÊU VỀ VĂN HOÁ - XÃ HỘI			
1	Giáo dục			
1.1	Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi	Phường	Đạt	Đạt
1.2	Giữ vững và nâng cao phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3	Phường	Đạt	Đạt
1.3	Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo đến trường	%	100	100
1.4	Tỷ lệ học sinh học trong độ tuổi tiểu học đến trường	%	99,9	99,9
1.5	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi THCS đến trường	%	99,3	99,3
1.6	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi THPT đến trường	%	92,5	80,99
1.7	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	94,4	94,4
2	Y tế			
2.1	Phường đạt Bộ tiêu chí quốc gia về Y tế	Đạt		
2.2	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi	%	14,51	14,48

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025	
			Kế hoạch giao	Thực hiện
2.3	Tỷ lệ trẻ em <1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại Vaccin (8 loại)	%	95,0	97,5
2.4	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	99,20	91,4
2.5	Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử	%	80,00	78,0
3	Văn hóa			
3.1	Tỷ lệ tổ dân phố có nhà văn hóa	%	97,90	97,90
3.2	Tỷ lệ tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hoá	%	97,90	100
3.3	Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	90,80	97,7
3.4	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, trường học đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	98,0	96,6
4	Chỉ tiêu về hạ tầng xã hội			
4.1	Tỷ lệ tổ dân phố có đường xe máy hoặc ô tô đi lại thuận lợi	%	100	100
4.2	Tỷ lệ hộ được sử dụng điện lưới quốc gia	%	100	100
4.3	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	99,0	75,1
5	Giảm nghèo, lao động, việc làm			
5.1	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,90	1,5
5.2	Số lao động được giải quyết việc làm trong năm	Người	575	580
5.3	Số lao động được đào tạo nghề trong năm	Người	250	155
5.4	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	80,2	80,2
III	CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG			
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%	45,70	45,74

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025	
			Kế hoạch giao	Thực hiện
2	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý	%	98,5	98,5

M 2025*oàn Kết)*

So sánh thực hiện 2025/KH giao 2025 (%)	Ghi chú
92	
107	
105	
169	
100	
100	
100	
100	
100	
100	
87,6	
100	
-	
100,2	

So sánh thực hiện 2025/KH giao 2025 (%)	Ghi chú
102,6	
92	
98	
100	
102,1	
108	
99	
100	
100	
76	
167	
101	
62	
100	
100,1	

So sánh thực hiện 2025/KH giao 2025 (%)	Ghi chú
100	